TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **212**/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 17 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HUẾ, THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397 và Điều 212 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83,110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 201/2026/TLST-HNGĐ ngày 28/5/2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Đào Xuân S, sinh năm 2001; Số CCCD: 046201013070; địa chỉ thường trú: Tổ dân phố G, phường H, thành phố H.

2. Chị Nguyễn Thị Xuân L, sinh năm: 2000; Số CCCD: 046300012496; địa chỉ thường trú: TDP G, phường H, thành phố H

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Xuân S và chị Nguyễn Thị Xuân L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là phường H, thành phố H) vào ngày 01/02/2023, số đăng ký 04 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh S và chị L chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên anh S và chị L tự nguyện thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh S và chị L xác nhận có 02 người con chung là cháu Đào Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 27/9/2020 và cháu Đào Nguyễn Tuệ A, sinh ngày 05/11/2023. Hai bên thỏa thuận giao cháu Đ1 Nguyễn Linh Đ cho anh S tiếp tục

trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và giao cháu Đào Nguyễn Tuệ A cho chị L tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S và chị L đều nuôi con nên tự thỏa thuận không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh S và chị L không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Anh Đào Xuân S và chị Nguyễn Thị Xuân L phải chịu toàn bộ lệ phí ly hôn.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Xuân S và chị Nguyễn Thị Xuân L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Đào Xuân S và chị Nguyễn Thị Xuân L có 02 người con chung là cháu Đào Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 27/9/2020 và cháu Đào Nguyễn Tuệ A, sinh ngày 05/11/2023. Giao cháu Đào Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 27/9/2020 cho anh Đào Xuân S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi và giao cháu Đào Nguyễn Tuệ A, sinh ngày 05/11/2023 cho chị Nguyễn Thị Xuân L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về cấp dưỡng: Anh S và chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh S và chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Đào Xuân S và chị Nguyễn Thị Xuân L phải chịu toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0001669 ngày 21 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố H; anh S và chị L đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 3- Huế;
- THADS thành phố Huế;;
- UBND phường Hương Trà;
(Đăng ký số 04 ngày 01/02/2023)
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Huyền